CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

Ngày 31/03/2025	19,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.6%	**14.1%**	**20.4%**

DT thuần
Q1/25
75.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼74.2| -49.4%
YoY: ▼22.0| -22.5%

LN thuần
Q1/25
5.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.7| -73.0%
YoY: ▼1.63| -21.9%

LN sau thuế
Q1/25
3.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.5| -76.4%
YoY: ▼1.61| -29.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
7.9%
YoY: +/-▼ 6.3%

ROE (TTM)
Q1/25
18.1%
YoY: +/-▼ 1.0%

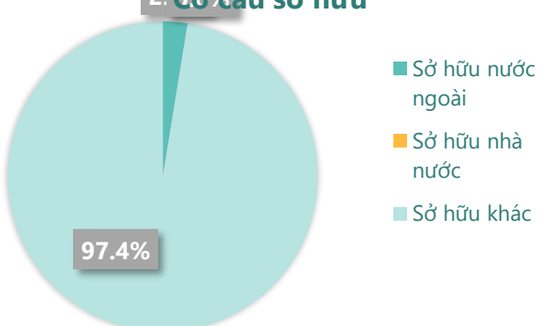
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,865 - 21,070
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	294
Số lượng CPLH (CP)	15,228,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,450
Sở hữu nước ngoài	2.6%
Beta	
EPS	2,846
P/E	6.8

DT thuần
2024
466
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.0| 8.0%

LN thuần
2024
59.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0| 58.9%

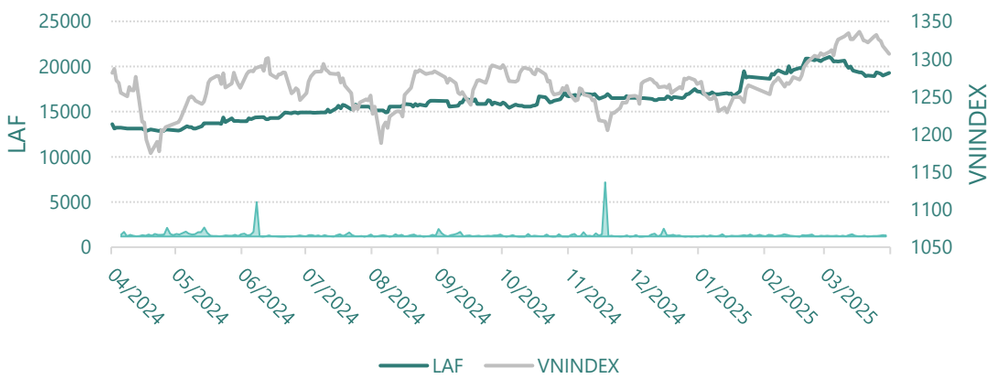
LN sau thuế
2024
45.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.4| 57.1%

Cơ cấu sở hữu

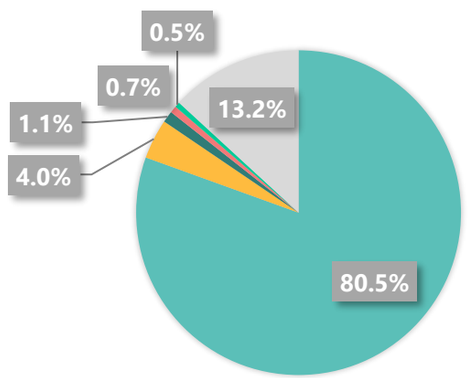


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

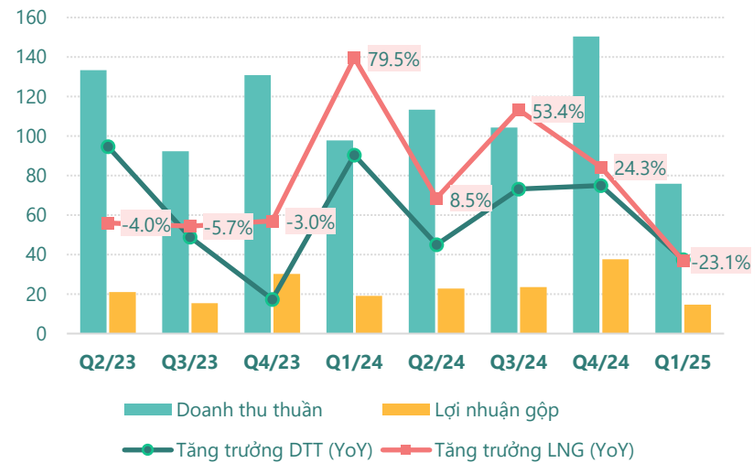




(Nguồn: fireant.vn)

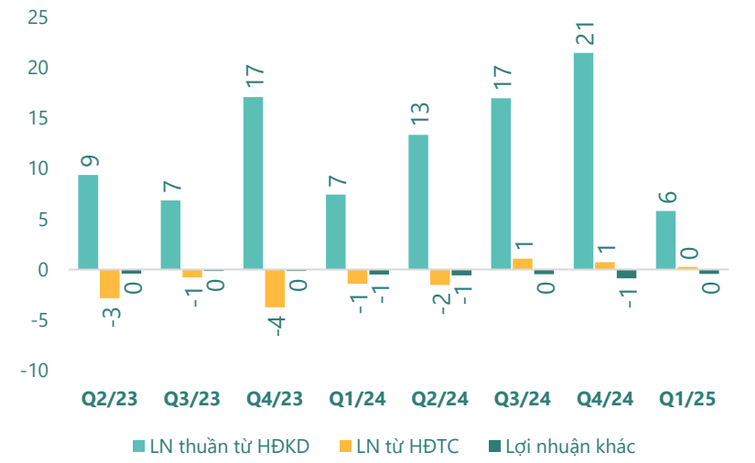
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



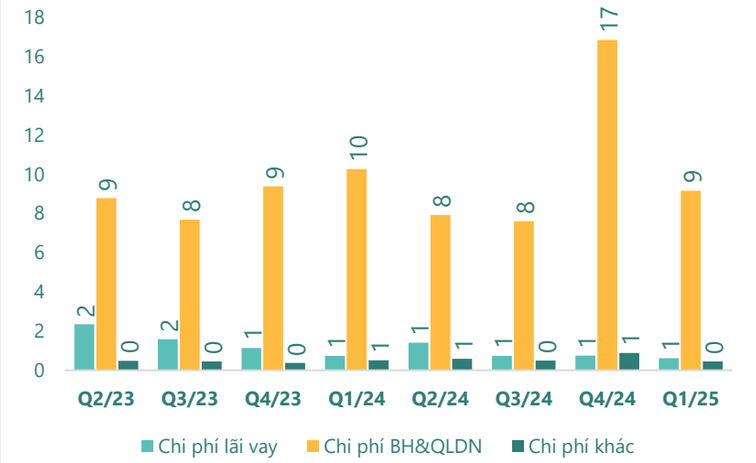
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



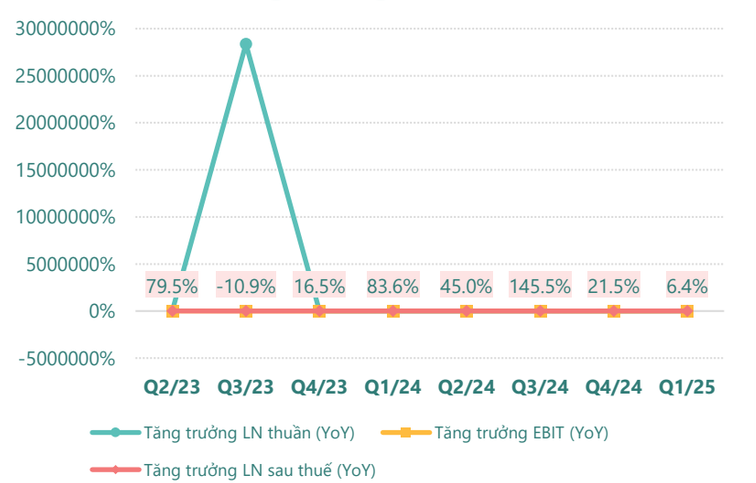
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



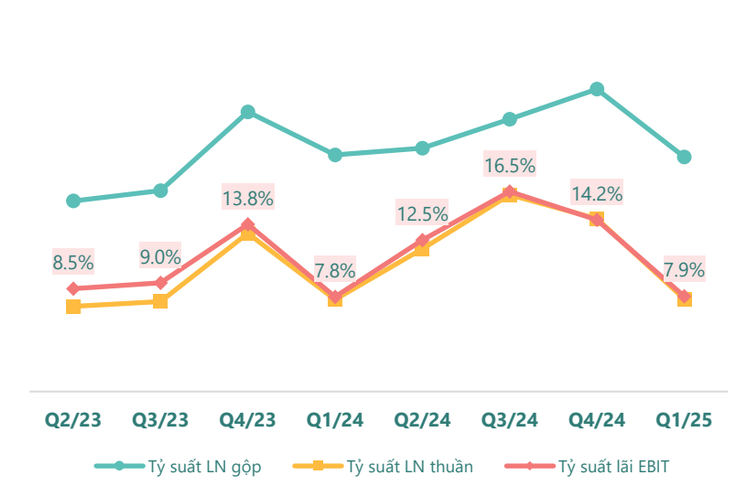
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



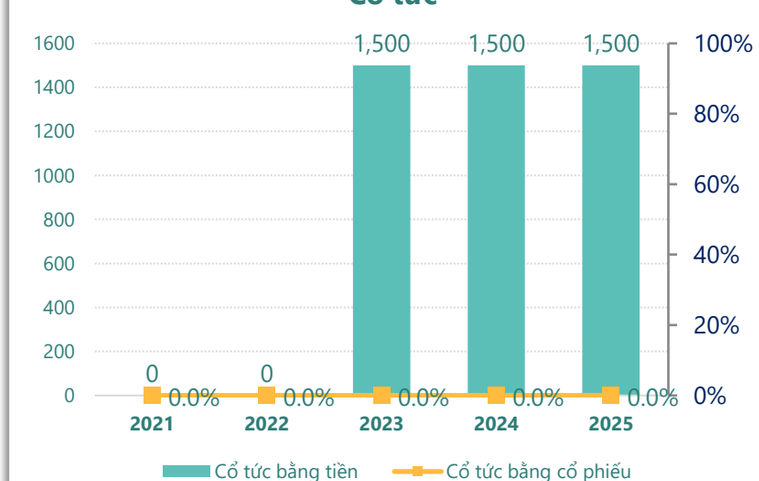
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

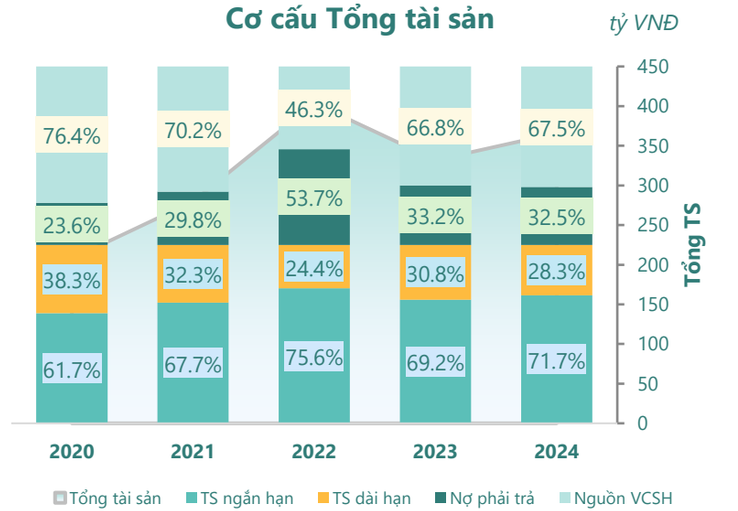
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

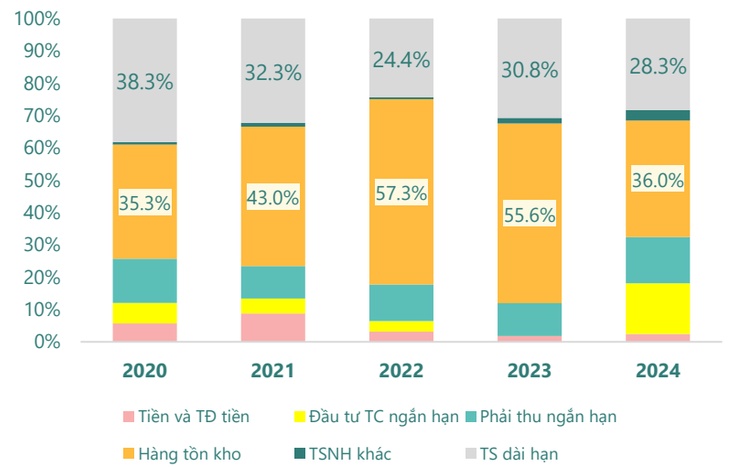
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



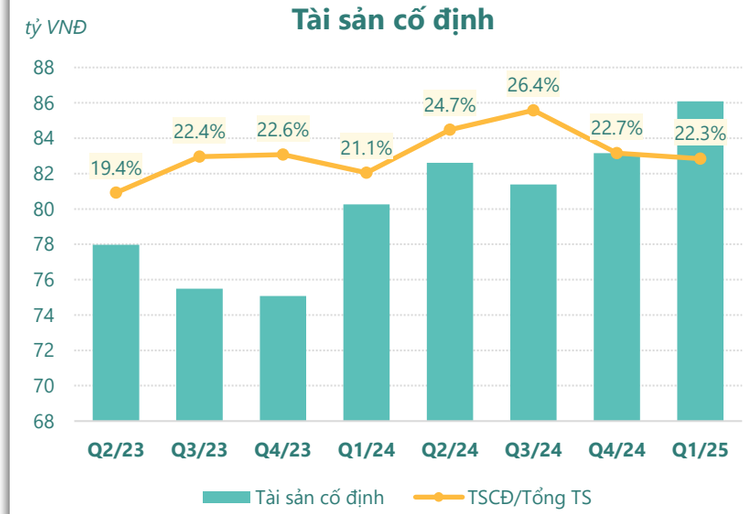
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



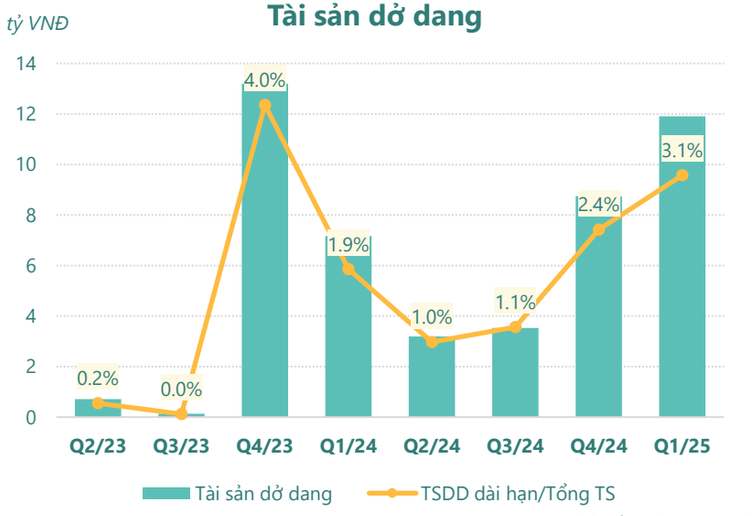
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



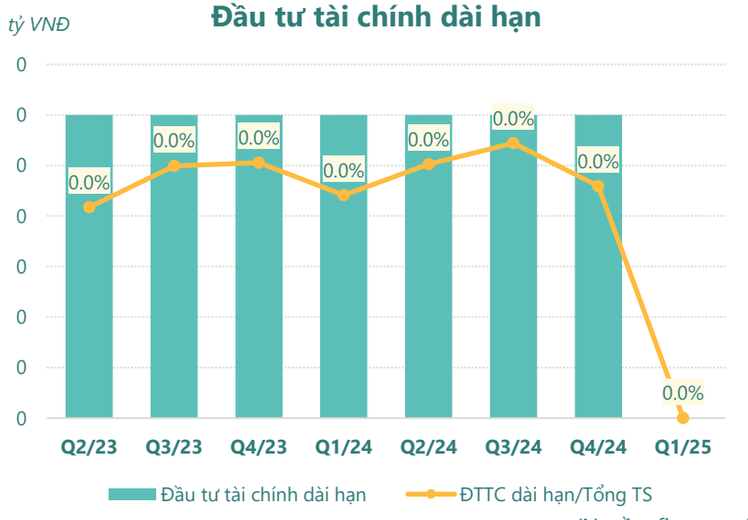
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



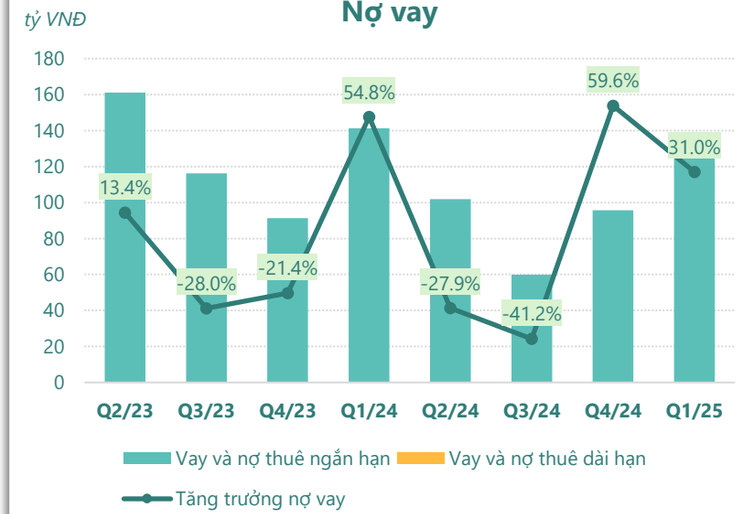
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

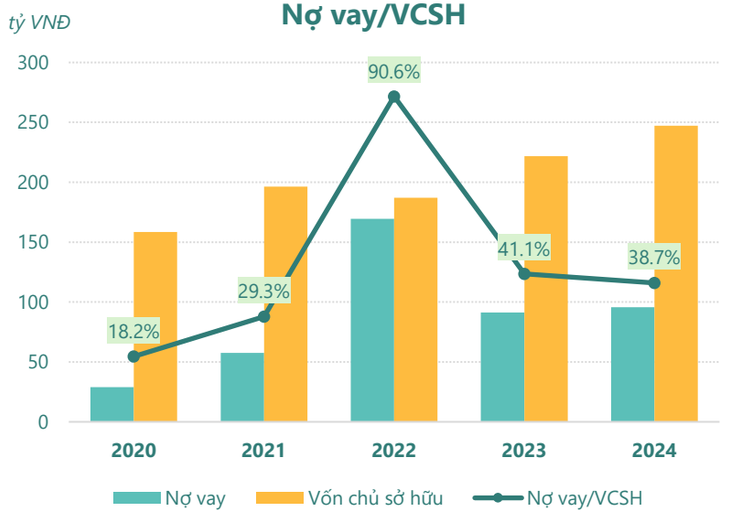
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

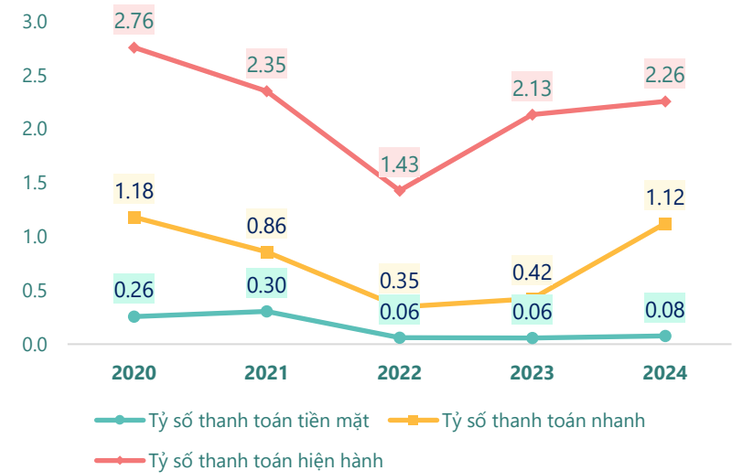
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



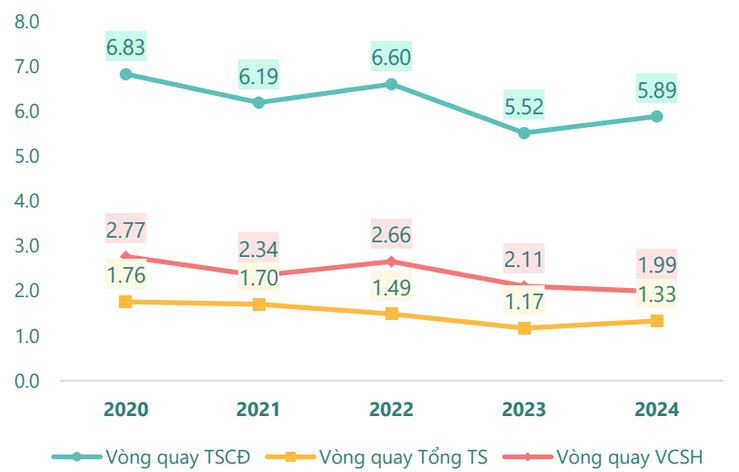
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



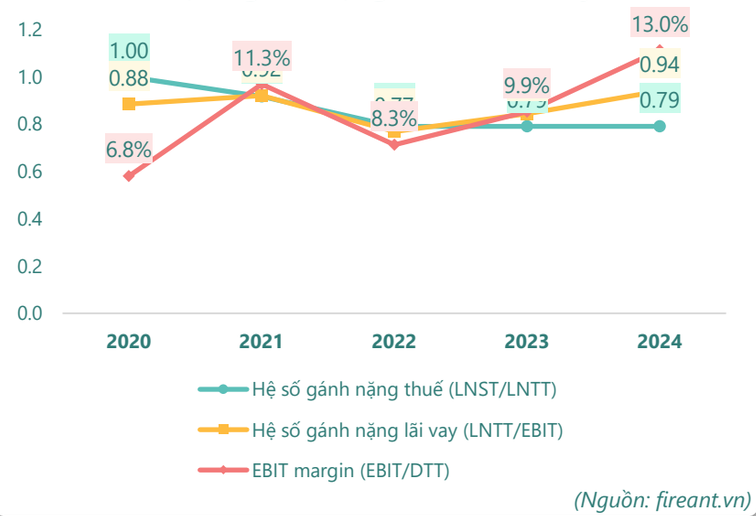
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



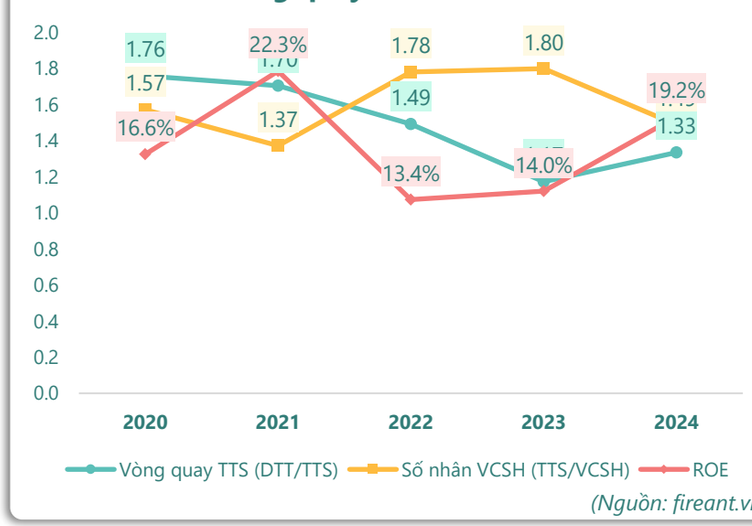
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



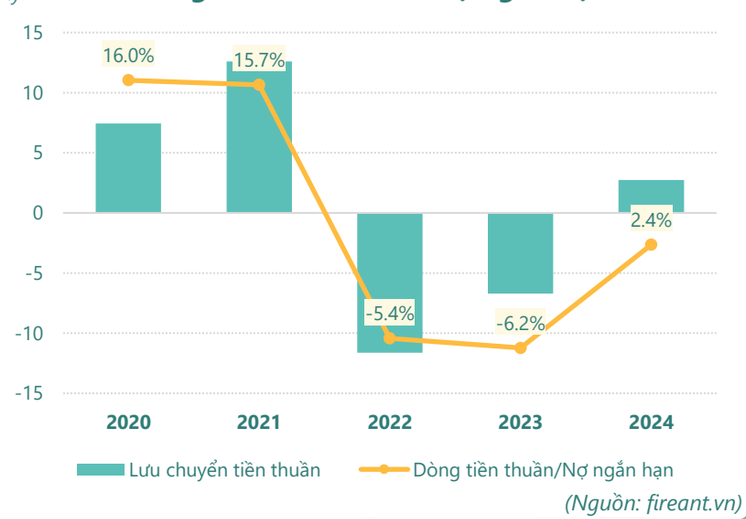
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**75.8**	**97.8**	**-22.5%**	**466**	**431**	**8.0%**
Giá vốn hàng bán	61.1	78.7	-22.3%	363	354	2.4%
Lợi nhuận gộp	14.7	19.1	-23.0%	103	77.2	33.4%
Doanh thu HĐTC	2.50	1.85	35.4%	9.55	6.52	46.4%
Chi phí TC	2.24	3.27	-31.4%	10.7	14.5	-26.3%
Chi phí lãi vay	0.61	0.73	-16.4%	3.63	6.72	-46.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.21	3.79	11.2%	16.0	14.7	8.9%
Chi phí QLDN	**4.95**	**6.48**	**-23.6%**	**26.6**	**17.3**	**54.2%**
LN thuần từ HĐKD	5.80	7.43	-21.9%	59.3	37.3	58.9%
Lợi nhuận khác	**-0.44**	**-0.51**	**13.0%**	**-2.43**	**-1.08**	**-126%**
LN trước thuế	5.36	6.93	-22.7%	56.8	36.2	57.0%
Lợi nhuận sau thuế	**3.84**	**5.45**	**-29.5%**	**45.0**	**28.6**	**57.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.84**	**5.45**	**-29.5%**	**45.0**	**28.6**	**57.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.5	-21.6	47.5	62.7	20.7	-39.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.92	-5.19	-8.10	-25.0	-34.7	12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.1	48.0	-62.5	-36.3	34.2	28.7
Tiền đầu kỳ	4.69	6.16	27.4	4.31	5.72	8.92
Lưu chuyển tiền thuần	**1.48**	**21.2**	**-23.1**	**1.43**	**20.2**	**2.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.00	-0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	6.16	27.4	4.31	5.72	25.9	11.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**387**	**366**	**5.7%**
Tài sản ngắn hạn	277	262	5.7%
Tiền và tương đương tiền	11.2	8.92	25.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.0	57.3	-31.9%
Phải thu ngắn hạn	39.2	52.4	-25.3%
Hàng tồn kho	181	132	37.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.00	11.8	-40.7%
Tài sản dài hạn	**109**	**104**	**5.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	86.1	83.2	3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.9	8.74	36.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản dài hạn khác	**11.3**	**11.7**	**-2.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	136	119	14.2%
Nợ ngắn hạn	**133**	**116**	**14.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	125	95.6	31.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.91	4.69	-37.9%
Nợ dài hạn	2.57	2.51	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**251**	**247**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**251**	**247**	**1.6%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)